

Số: /BC-UBND

Kỳ Thượng, ngày 19 tháng 4 năm 2024

## BÁO CÁO

**Về việc kiểm tra, rà soát nội dung kiến nghị 38 hộ dân kiến nghị xem xét nguồn gốc đất để bồi thường, hỗ trợ chính sách chuyển đổi nghề và hỗ trợ đời sống thuộc Dự án: Cấp nước cho Khu kinh tế Vũng Áng hạng mục lòng hồ Rào Trỏ tại xã Kỳ Thượng.**

Căn cứ văn bản số 757/UBND-VP ngày 16/4/2024 của UBND huyện Kỳ Anh về việc giao kiểm tra, xử lý đơn của công dân: UBND huyện giao chủ trì kiểm tra, rà soát từng nội dung kiến nghị cụ thể của từng hộ tham mưu bằng văn bản báo cáo UBND huyện. UBND xã báo cáo như sau:

Nội dung kiến nghị của 38 hộ dân đã được UBND xã Kỳ Thượng đã phối hợp với Hội đồng bồi thường huyện Kỳ Anh tiến hành thu thập, củng cố hồ sơ, đối chiếu, kiểm tra xác minh dựa trên hồ sơ đã bồi thường, hỗ trợ dự án bao gồm:

- + Biên bản kiểm kê cũ từ thời điểm những năm 2014 trở về trước.
- + Biên bản áp giá cũ tính toán và chi trả năm 2014.
- + Quyết định thu hồi đất cá biệt của từng hộ gia đình, cá nhân.
- + Biên bản thống nhất số liệu mới, số liệu được chiết xuất ra đủ điều kiện bồi thường trước đây, đem vào tính toán hỗ trợ năm 2023.
- + Bảng tổng hợp xác định nguồn gốc sử dụng đất của các hộ nằm trong các đợt, nhất là đợt 5, đợt 6 đền bù Rào Trỏ.

Sau khi rà soát 35 hộ trong 38 hộ do ông Nguyễn Sinh Hạnh và ông Vũ Văn Giang làm đại diện UBND xã đã có báo cáo số 73/BC-UBND ngày 08/12/2023 về việc kiểm tra, xác minh nội dung đơn kiến nghị của 35 hộ thì có 34 hộ không đủ điều kiện hỗ trợ; có 1 hộ đủ điều kiện hỗ trợ đã được hỗ trợ tính hỗ trợ theo quy định và đối với 7 hộ đủ điều kiện hỗ trợ nhưng cần làm rõ chưa phê duyệt chi trả tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm; ổn định đời sống và sản xuất thuộc Dự án: Cấp nước cho Khu kinh tế Vũng Áng hạng mục lòng hồ Rào Trỏ tại xã Kỳ Thượng; Ngày 26/12/2023 UBND xã đã có các thông báo chi tiết nội dung trả lời từng hộ gửi cho 41 hộ (có 6 hộ gửi đơn kiến nghị sau) thuộc nhóm kiến nghị của ông Nguyễn Sinh Hạnh “tại sao gia đình chúng tôi không được tính chế độ hỗ trợ chuyển đổi nghề tạo việc làm; ổn định đời sống”. Trong thông báo đã nêu rõ Theo quy định tại Nghị quyết 128/NQ-HĐND, ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh áp dụng chính sách hỗ trợ đối với phần diện tích đất khai hoang đủ điều kiện bồi thường và đã bồi thường là sử dụng ổn định trước ngày

1/7/2004 đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất hoặc đất khai hoang sử dụng trước thời điểm UBND tỉnh giao cho tổ chức quản lý (*Công ty Cao Su Hà Tĩnh được UBND tỉnh giao đất ngày 30/12/2003; BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất ngày 30/10/2003*) theo nội dung tại văn bản số 4738/UBND-NL1 về việc bồi thường, hỗ trợ các hộ dân công nhân công ty Cao Su để GPMB hồ Rào Trỏ; Văn bản 3600/UBND-GT ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh về việc xử lý bồi thường, hỗ trợ GPMB do thi công hồ Rào Trỏ thuộc dự án hệ thống cấp nước cho KKT Vũng Áng, thì đủ điều kiện để áp dụng việc hỗ trợ. Nhưng các thửa đất của các hộ có kiến nghị đều không đủ điều kiện bồi thường tại thời điểm thu hồi đất nên không đủ điều kiện để được hỗ trợ (Có danh sách hộ và nguồn gốc các thửa đất kèm theo)

UBND xã căn cứ các quy định và văn bản hồ sơ bồi thường dự án báo cáo UBND huyện việc kiến nghị của 38 hộ do ông Nguyễn Sinh Hạnh và ông Vũ Văn Giang đại diện đề nghị hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm là không có cơ sở.

Với các nội dung trên, UBND xã Kỳ Thượng báo cáo UBND huyện Kỳ Anh, Chủ tịch UBND huyện Kỳ Anh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện;
- Đ/c chủ tịch UBND huyện;
- Ban tiếp công dân huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Lãm**

**DANH SÁCH TỔNG HỢP RÀ SOÁT NGUỒN GỐC ĐẤT CÁC HỘ CÓ  
KIẾN NGHỊ BỊ THU HỒI ĐẤT DỰ ÁN HỒ CHỨA NƯỚC RÀO TRỒ**

(Kèm theo báo số /BC-UBND ngày 19/4/2024 của UBND xã Kỳ Thượng)

STT	Đối tượng quản lý, sử dụng đất	Địa chỉ (Thôn)	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Loại đất thu hồi	Ghi chú (Nguồn gốc sử dụng đất)
1	LÊ VĂN NGỌC (TUẦN)	Phúc Độ	3	28	5.404,1	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
2	NGUYỄN VĂN LỊCH (ĐÌNH)	Phúc Độ	31	7	5.632,2	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
3	NGUYỄN ĐỨC NGHĨA	Phúc thành 1	3	25	11.130,3	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
4	DƯƠNG VĂN LƯU	Bắc tiến	3	38	3.067,9	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
			4	50	16.580,3	BHK	"
5	DƯƠNG VĂN PHỆ (OANH)	Bắc tiến	31	27	4.137,2	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
6	NGUYỄN ĐÌNH LƯU (HÀ)	Bắc tiến	31	6	3.738,9	RST	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
			31	9	12.324,7	RST	"
7	BÙI MINH LỚN (HÀ)	Trung Tiến	3	29	8.860,5	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
			3	34	5.331,5	BHK	"
8	NGUYỄN TẮT LIÊN (LAN)	Trung Tiến	3	24	7.444,7	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
			4	39	357,4	BHK	"
			4	46	1.341,9	BHK	"
			4	51	21.856,5	BHK	"
9	TRƯƠNG TRUNG DŨNG (LIÊN)	Trung Tiến	3	5	2.820,5	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
10	VÕ CÔNG CHÍNH (VINH)	Trung Tiến	4	34	2.534,5	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất

			4	38	3.081,7	BHK	"
			4	53	862,2	RST	"
			4	57	1.196,5	BHK	"
			3	19	3.245,6	BHK	"
11	VÕ XUÂN THỨC	Trung Tiến	4	63	2.404,6	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
			4	64	1.042,0	RST	"
			4	81	12.050,0	BHK	"
			4	71	2.395,0	RST	"
			4	73	4.483,6	BHK	"
12	VÕ XUÂN HOÀN	Trung Tiến	4	45	5.354,7	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
13	VÕ XUÂN HOÀNG (THUY)	Trung Tiến	3	1	4.495,1	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
			3	14	3.087,4	BHK	"
			3	17	3.067,2	BHK	"
14	NGUYỄN SINH HẠNH (KHUÊ)	Tân tiến	31	13	5.419,8	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
			31	14	12.462,2	RST	"
			31	30	1.490,5	BHK	"
15	DƯƠNG VĂN NHÀN	Tân tiến	4	9	603,7	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
			4	14	2.603,2	RST	"
			4	22	4.467,6	BHK	"
			4	28	642,5	RST	"
			4	29	4.476,9	BHK	"
			4	33	3.461,4	RST	"
16	LÊ ANH NGA	Tân tiến	3	8	854,8	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất

			3	10	1.628,1	BHK	"
			3	11	608,9	BHK	"
			3	12	2.619,8	BHK	"
17	LÊ NGỌC LƯƠNG (HOÀN)	Tân tiến	4	8	2.013,5	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
			4	26	4.482,2	BHK	"
18	LÊ NGỌC TRUNG (QUỖNH)	Tân tiến	3	3	34,4	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
19	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG (HUỜNG)	Tân tiến	4	18	6.644,0	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
20	NGUYỄN THẾ HẢI (TRANG)	Tân tiến	4	87	1.021,8	RST	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
			31	10	1.085,8	RST	"
			31	28	1.783,6	BHK	"
			31	29	236,3	BHK	"
21	NGUYỄN THỊ LAN (HOẠCH)	Tân tiến	4	6	10,9	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
			31	22	897,0	RST	"
			5	7	724,8	RST	"
22	NGUYỄN TRUNG ĐÁT (NGA)	Tân tiến	4	10	2.899,6	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
23	NGUYỄN VĂN PHÚC (DŨNG)	Tân tiến	4	35	28.920,9	RST	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
			4	40	16.397,3	RST	"
24	TRẦN ĐÌNH TIẾN (NA)	Tân tiến	31	20	69,8	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
25	TRẦN VĂN TRUNG (CẢN)	Phúc sơn	32	4	10.607,4	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
26	NGUYỄN VĂN PHÒNG (NGỌC)	Phúc Thành 1	1	24	5.261,9	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm Công ty Cao su được UBND tỉnh giao đất
27	HOÀNG QUÝ (HỢP)	Phúc Thành 1	1	20	4.486,3	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm Công ty Cao su được UBND tỉnh giao đất
			1	22	18.784,9	BHK	"
			1	34	13.880,4	BHK	"

28	VŨ VĂN GIANG (TUYÊN)	Phúc Thành 1	4	48	13.562,0	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm Công ty Cao su được UBND tỉnh giao đất
29	LÊ VĂN HÙNG (TÝ)	Bắc Tiến	4	17	9.264,3	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm Công ty Cao su được UBND tỉnh giao đất
30	LÊ VĂN HOÀNG (TUYẾT)	Bắc Tiến	6	42	2090,0	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm Công ty Cao su được UBND tỉnh giao đất
		Bắc Tiến	6	49	8849,0	BHK	"
31	NGUYỄN NGỌC THUẬN ( BÌNH)	Bắc Tiến	5	15	18.554,0	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm Công ty Cao su được UBND tỉnh giao đất
32	NGUYỄN VĂN HOÀNG (ANH)	Bắc Tiến	5	9	18.218,9	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm Công ty Cao su được UBND tỉnh giao đất
33	NGUYỄN VĂN DOAN (HOA)	Bắc Tiến	5	44	21.952,2	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm Công ty Cao su được UBND tỉnh giao đất
34	NGUYỄN VĂN THẮNG (THU)	Bắc Tiến	5	10	5.867,1	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm Công ty Cao su được UBND tỉnh giao đất
35	LÊ VĂN HẬU (XUYẾN)	Bắc Tiến	2	4	1713,6	RST	Đất SD ổn định sau thời điểm Công ty Cao su được UBND tỉnh giao đất
			2	13	8924,3	RST	"
36	NGUYỄN THỊ HIỀN (TUỐNG)	Bắc Tiến	5	5	36059,8	RST	Đất SD ổn định sau thời điểm Công ty Cao su được UBND tỉnh giao đất
37	NGUYỄN VĂN DUNG (TRÚC)	Bắc Tiến	5	45	442,6	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm Công ty Cao su được UBND tỉnh giao đất
			5	48	5397,4	BHK	"
38	NGUYỄN VĂN HẬU (THANH)	Phúc Độ	1	14	14729,9	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm Công ty Cao su được UBND tỉnh giao đất
39	NGUYỄN VĂN LIÊN (TUỐNG)	Phúc Độ	4	85	6.561,1	RST	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
40	LÊ VĂN DUẤN (OANH)	Phúc độ	3	16	29.951,1	RST	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất
			3	26	6.372,5	BHK	"
41	LÊ VĂN NGỌC (TUẦN)	Phúc Độ	3	28	5.404,1	BHK	Đất SD ổn định sau thời điểm BQL Khu bảo tồn được UBND tỉnh giao đất